

BỘ Y TẾ  
TRUNG TÂM THÔNG TIN  
Y TẾ QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTYQG-TCHC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

V/v cung cấp dịch vụ thẩm định giá tài sản thanh lý của Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia

Kính gửi: .....

Hiện nay, Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia đang có nhu cầu thẩm định giá tài sản, thanh lý làm cơ sở xác định giá trị thị trường để tiến hành thanh lý tài sản theo quy định hiện hành (Chi tiết phụ lục đính kèm).

Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia trân trọng thông báo và mời các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm và gửi báo giá cung cấp dịch vụ thẩm định giá về Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia cụ thể như sau:

- Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp;
- Hồ sơ năng lực kinh nghiệm;
- Báo giá dịch vụ thẩm định giá đối với các tài sản, trang thiết bị theo danh mục đính kèm (có xác nhận của nhà cung cấp hoặc bản scan và các tài liệu kèm theo) có thể hiện đầy đủ ngày báo giá, ngày hiệu lực, điều kiện thanh toán.

**\* Thời gian và địa chỉ nhận báo giá**

- Thời gian nhận: Từ 08h00 đến 17h30 hàng ngày và trước 17h30 ngày 13/05/2026.

- Địa chỉ: Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia, Ngách 135/1 Núi Trúc, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.

- Công văn mời báo giá này được đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia ( [ttyqg.vn](http://ttyqg.vn) )

(Thông tin chi tiết xin liên hệ: Đ/c Vũ Quang Hồng Ngọc, SĐT: 0963075729, Email: [vuhongngoc28121999@gmail.com](mailto:vuhongngoc28121999@gmail.com), Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia)

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Phó Giám đốc (để biết);
- Phòng TCHC (để th/hiện);
- Lưu: VT, TCHC.

**GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Trường Duy**

**PHỤ LỤC 01:**  
**Danh mục tài sản cố định thanh lý**  
*(Kèm theo Công văn số /TTYQG-TCHC ngày tháng năm 2026*  
*của Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia)*

TT	Tên tài sản cố định	Năm SD	ĐVT	Số lượng	Giá trị Nguyên giá		Giá trị còn lại theo sổ kế toán	Ghi chú
					Đơn giá	Thành tiền		
<b>A</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến</b>			<b>58</b>	<b>1,093,144,500</b>	<b>1,093,144,500</b>	-	
<b>I</b>	<b>Máy tính xách tay</b>			<b>34</b>	<b>651,456,000</b>	<b>651,456,000</b>	-	
1	Máy tính xách tay - Dell - Latitude E6330 -	2013	Bộ	1	21,989,000	21,989,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
2	Máy tính xách tay - Dell - Latitude E6330 -	2013	Bộ	1	21,989,000	21,989,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
3	Máy tính xách tay - Dell - Latitude E5430 -	2013	Bộ	1	14,278,000	14,278,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
4	Máy tính xách tay - Dell - Latitude E5430 -	2013	Bộ	1	14,278,000	14,278,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
5	Máy tính xách tay - Dell - Latitude E5430 -	2013	Bộ	1	14,278,000	14,278,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
6	Máy tính xách tay - Dell - Latitude 3440 -	2013	Bộ	1	19,888,000	19,888,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
7	Máy tính xách tay - Sony - Vaio SVE14 -	2014	Bộ	1	27,500,000	27,500,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
8	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
9	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
10	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
11	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
12	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
13	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
14	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
15	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được

TT	Tên tài sản cố định	Năm SD	ĐVT	Số lượng	Giá trị Nguyên giá		Giá trị còn lại theo sổ kế toán	Ghi chú
					Đơn giá	Thành tiền		
16	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
17	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
18	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
19	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
20	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
21	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
22	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
23	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
24	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
25	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
26	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
27	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
28	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
29	Máy tính xách tay: HP ProBook 440 G4	2017	Bộ	1	19,976,000	19,976,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
30	Máy tính xách tay - Dell - Vostro 3568 -	2018	Bộ	1	15,928,000	15,928,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
31	Máy tính xách tay - Dell - Vostro 3568 -	2018	Bộ	1	15,928,000	15,928,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
32	Máy tính xách tay - Dell - Vostro 3568 -	2018	Bộ	1	15,928,000	15,928,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được

TT	Tên tài sản cố định	Năm SD	ĐVT	Số lượng	Giá trị Nguyên giá		Giá trị còn lại theo sổ kế toán	Ghi chú
					Đơn giá	Thành tiền		
33	Máy tính xách tay - Fujitsu - Lifebook E549 -	2020	Bộ	1	15,000,000	15,000,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
34	Máy tính xách tay - Fujitsu - Lifebook E549 -	2020	Bộ	1	15,000,000	15,000,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
<b>II</b>	<b>Máy tính bảng</b>			<b>10</b>	<b>155,364,000</b>	<b>155,364,000</b>	-	
1	Máy tính bảng 10,5 inh - iPad Air Wifi 256GB -	2020	Bộ	1	21,230,000	21,230,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
2	Máy tính bảng 10,5 inh - iPad Air Wifi 256GB -	2020	Bộ	1	21,230,000	21,230,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
3	Máy tính bảng - Apple - iPad WiFi + Cellular 32GB -	2017	Bộ	1	14,113,000	14,113,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
4	Máy tính bảng - Apple - iPad WiFi + Cellular 32GB -	2017	Bộ	1	14,113,000	14,113,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
5	Máy tính bảng - Apple - iPad WiFi + Cellular 32GB -	2017	Bộ	1	14,113,000	14,113,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
6	Máy tính bảng - Apple - iPad WiFi + Cellular 32GB -	2017	Bộ	1	14,113,000	14,113,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
7	Máy tính bảng - Apple - iPad WiFi + Cellular 32GB -	2017	Bộ	1	14,113,000	14,113,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
8	Máy tính bảng - Apple - iPad WiFi + Cellular 32GB -	2017	Bộ	1	14,113,000	14,113,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
9	Máy tính bảng - Apple - iPad WiFi + Cellular 32GB -	2017	Bộ	1	14,113,000	14,113,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
10	Máy tính bảng - Apple - iPad WiFi + Cellular 32GB -	2017	Bộ	1	14,113,000	14,113,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
<b>III</b>	<b>Máy tính để bàn</b>			<b>12</b>	<b>247,307,500</b>	<b>247,307,500</b>	-	
1	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010DT	2013	Bộ	1	14,960,000	14,960,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
2	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010DT	2013	Bộ	1	14,960,000	14,960,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
3	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010DT	2013	Bộ	1	14,960,000	14,960,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
4	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010DT	2013	Bộ	1	14,960,000	14,960,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được

TT	Tên tài sản cố định	Năm SD	ĐVT	Số lượng	Giá trị Nguyên giá		Giá trị còn lại theo sổ kế toán	Ghi chú
					Đơn giá	Thành tiền		
5	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010DT	2013	Bộ	1	14,960,000	14,960,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
6	Máy tính để bàn - Dell - Precision Tower 3620 -	2018	Bộ	1	49,128,750	49,128,750	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
7	Máy tính để bàn - Dell - Precision Tower 3620 -	2018	Bộ	1	49,128,750	49,128,750	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
8	Máy tính để bàn - Fujitsu - Esprimo D538/E85+ -	2020	Bộ	1	14,850,000	14,850,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
9	Máy tính để bàn - Fujitsu - Esprimo D538/E85+ -	2020	Bộ	1	14,850,000	14,850,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
10	Máy tính để bàn - Fujitsu - Esprimo D538/E85+ -	2020	Bộ	1	14,850,000	14,850,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
11	Máy tính để bàn - Fujitsu - Esprimo D538/E85+ -	2020	Bộ	1	14,850,000	14,850,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
12	Máy tính để bàn - Fujitsu - Esprimo D538/E85+ -	2020	Bộ	1	14,850,000	14,850,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
<b>IV</b>	<b>Máy in</b>			<b>2</b>	<b>39,017,000</b>	<b>39,017,000</b>	-	
1	Máy in - HP - P3015DN	2016	Bộ	1	19,508,500	19,508,500	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
2	Máy in - HP - P3015DN	2016	Bộ	1	19,508,500	19,508,500	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
<b>B</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng dùng chung</b>			<b>15</b>	<b>390,302,000</b>	<b>390,302,000</b>	-	
<b>V</b>	<b>Máy Photocopy</b>			<b>1</b>	<b>20,000,000</b>	<b>20,000,000</b>	-	
1	Máy photocopy - Ricoh	2017	Bộ	1	20,000,000	20,000,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
<b>VI</b>	<b>Máy Scan</b>			<b>1</b>	<b>43,648,000</b>	<b>43,648,000</b>	-	
1	Máy quét - Panasonic - KV-SL3066	2018	Bộ	1	43,648,000	43,648,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
<b>VII</b>	<b>Tổng đài điện thoại nội bộ NS300 - Panasonic - KX-HDV130 - Việt Nam</b>			<b>6</b>	<b>89,659,000</b>	<b>89,659,000</b>	-	
1	Khung chính tổng đài NS300 và Card hỗ trợ IP KX-NS5110 - Panasonic	2018		1	22,605,000	22,605,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được

TT	Tên tài sản cố định	Năm SD	ĐVT	Số lượng	Giá trị Nguyên giá		Giá trị còn lại theo sổ kế toán	Ghi chú
					Đơn giá	Thành tiền		
2	Phần mềm kích hoạt tính năng IP KX-NSF990 - Panasonic	2018		1	3,390,000	3,390,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
3	Phần mềm 01 kênh máy nhánh IP chuẩn Panasonic KX-NSM501 (30 máy)	2018		1	17,706,000	17,706,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
4	Bàn điều khiển lễ tân, 24 phím gán quay số nhanh KX-DT543	2018		1	3,916,000	3,916,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
5	Điện thoại IP chuẩn SIP Panasonic KX-HDV130 (30 cái)	2018		1	36,894,000	36,894,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
6	Nhân công lắp đặt, cấu hình, cài đặt	2018		1	5,148,000	5,148,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
<b>VIII</b>	<b>Tivi - Panasonic</b>			<b>1</b>	<b>13,750,000</b>	<b>13,750,000</b>	-	
1	Tivi - Panasonic - THP42C.10S -	2009	Bộ	1	13,750,000	13,750,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
<b>XI</b>	<b>Thiết bị dùng chung</b>			<b>6</b>	<b>223,245,000</b>	<b>223,245,000</b>	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
1	Hệ thống cảnh báo phòng chống cháy nổ -	2014	Bộ	1	56,980,000	56,980,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
2	Hệ thống mạng (Hệ thống mạng và điện)	2014	Bộ	1	43,769,000	43,769,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
3	Hệ thống tủ điện (Hệ thống mạng và điện)	2014	Bộ	1	39,887,100	39,887,100	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
4	Đầu ghi hình camera IP - Panasonic - K-NL308K -	2017	Bộ	1	35,068,000	35,068,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
5	Tủ gỗ đựng máy tính xách tay chuyên dụng -	2017	Bộ	1	20,878,000	20,878,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
6	Micro không dây cầm tay kép - Shure - BLX288A/PG58/BLX88 -	2018	Bộ	1	26,662,900	26,662,900	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được
<b>Tổng cộng</b>				<b>73</b>	<b>1,483,446,500</b>	<b>1,483,446,500</b>	-	

**PHỤ LỤC 02:**  
**Danh mục xe ô tô thanh lý**  
(Kèm theo Công văn số /TTYQG-TCHC ngày tháng năm 2026  
của Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia)

TT	Tên tài sản cố định	Năm SD	ĐVT	Số lượng	Giá trị Nguyên giá		Giá trị còn lại theo sổ kế toán	Ghi chú
					Đơn giá	Thành tiền		
I	Xe ô tô phục vụ công tác chung			1	285,430,000	285,430,000	-	
1	Xe ô tô TOYOTA (5 chỗ ngồi)	1990	Chiếc	1	285,430,000	285,430,000	-	Hết khấu hao, hỏng, ko sử dụng được